

Số: 82 /2020/WSB

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2020

(Về việc công bố thông tin
Báo cáo tài chính của Công ty mẹ
đã kiểm toán năm 2019)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 0292 3 843 333 Fax: 0292 3 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính của Công ty mẹ đã kiểm toán năm 2019 bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: www.wsb-sabeco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.



Lê Đăng Khoa



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 5703000144 ngày 13 tháng 4 năm 2005
Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 2 tháng 1 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Neo Gim Siong Bennette	Chủ tịch (từ ngày 31 tháng 12 năm 2019)	
	Ông Neo Gim Siong Bennette	Thành viên (từ ngày 26 tháng 12 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)	
	Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch (đến 26 tháng 12 năm 2019)	
	Ông Trần Nguyên Trung	Thành viên	
	Ông Phạm Đình Hùng	Thành viên	
	Ông Nguyễn Văn Đồi	Thành viên	
	Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2019)	
	Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên (đến ngày 29 tháng 3 năm 2019)	
Ban Kiểm soát	Bà Trần Thị Loan Anh	Trưởng ban	
	Ông Đoàn Tiến Dũng	Thành viên	
	Ông Nguyễn Văn Doanh	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Lê Đăng Khoa	Giám đốc	
	Ông Phạm Minh Quân	Phó Giám đốc	
	Ông Võ Văn Vân	Phó Giám đốc (từ ngày 1 tháng 10 năm 2019)	
	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Phó Giám đốc (đến ngày 1 tháng 10 năm 2019)	
Người đại diện theo pháp luật	Ông Neo Gim Siong Bennett	(từ ngày 2 tháng 1 năm 2020)	
	Ông Nguyễn Thành Nam	(đến ngày 2 tháng 1 năm 2020)	
	Ông Lê Đăng Khoa	(từ ngày 18 tháng 4 năm 2019)	
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Trà Nóc Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ Việt Nam		
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam		

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 18 tháng 2 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00251-20-2




Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		245.399.102.069	184.760.210.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	58.758.574.264	15.997.888.555
Tiền	111		58.574.264	197.888.555
Các khoản tương đương tiền	112		58.700.000.000	15.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		129.620.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12(a)	129.620.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.505.388.243	133.111.682.026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	8.707.132.188	16.514.361.114
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.349.999.999	1.731.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	15.448.256.056	114.866.320.912
Hàng tồn kho	140	8	31.477.773.326	34.877.486.931
Hàng tồn kho	141		32.854.756.218	34.877.486.931
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.376.982.892)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		37.366.236	773.152.859
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		37.366.236	773.152.859

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		398.770.090.889	374.631.232.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
Tài sản cố định	220		259.240.595.428	288.642.412.736
Tài sản cố định hữu hình	221	9	259.240.595.428	288.642.412.736
Nguyên giá	222		500.070.734.323	496.537.884.204
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(240.830.138.895)	(207.895.471.468)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
Bất động sản đầu tư	230	10	3.940.270.949	-
Nguyên giá	231		7.213.540.002	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.273.269.053)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.922.181.819	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	7.922.181.819	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12(b)	112.816.304.640	67.286.255.400
Đầu tư vào công ty con	251		90.000.000.000	45.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(319.597.560)	(849.646.800)
Tài sản dài hạn khác	260		14.847.738.053	18.699.564.154
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	14.847.738.053	18.699.564.154
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		644.169.192.958	559.391.442.661

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		73.333.340.551	103.592.705.294
Nợ ngắn hạn	310		69.543.724.487	99.728.870.291
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	8.906.296.081	13.169.823.422
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.320.300	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	34.687.085.646	28.609.817.223
Phải trả người lao động	314		5.295.041.156	7.044.883.988
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.959.885.887	638.564.671
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	8.695.246.830	34.760.684.092
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	9.996.848.587	15.505.096.895
Nợ dài hạn	330		3.789.616.064	3.863.835.003
Phải trả dài hạn khác	337		59.500.000	38.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	3.730.116.064	3.825.835.003
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		570.835.852.407	455.798.737.367
Vốn chủ sở hữu	410	19	570.835.852.407	455.798.737.367
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		248.124.405.453	133.087.290.413
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		128.962.063.720	87.268.912.924
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		119.162.341.733	45.818.377.489
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		644.169.192.958	559.391.442.661

Ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2019

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	369.805.603.549	347.028.933.677
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	292.553.539.139	272.506.271.015
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		77.252.064.410	74.522.662.662
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	108.382.593.606	75.274.502.504
Chi phí tài chính	22	26	(530.049.240)	551.748.307
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	44.038.307
Chi phí bán hàng	25		103.202.447	403.877.536
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	15.789.332.453	19.542.547.818
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		170.272.172.356	129.298.991.505
Thu nhập khác	31		299.667.500	781.427.183
Chi phí khác	32		19.512.438	266.463.459
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		280.155.062	514.963.724
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		170.552.327.418	129.813.955.229
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	14.492.356.743	11.722.560.090
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		156.059.970.675	118.091.395.139

Ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		170.552.327.418	129.813.955.229
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		37.481.322.444	37.450.457.999
Các khoản dự phòng	03		843.713.582	3.990.510.640
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.468.161.495)	(228.124.047)
Thu nhập từ cổ tức	05		(103.914.432.111)	(75.046.378.457)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(77.090.909)	(391.469.459)
Chi phí lãi vay	06		-	44.038.307
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		100.417.678.929	95.632.990.212
Biến động các khoản phải thu	09		8.478.327.661	(9.188.986.526)
Biến động hàng tồn kho	10		2.022.730.713	(5.107.376.642)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.010.167.411	(3.707.201.435)
Biến động chi phí trả trước	12		4.587.612.724	(1.052.010.943)
			118.516.517.438	76.577.414.666
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(44.038.307)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.071.549.861)	(12.234.905.427)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.976.298.302)	(18.624.283.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.468.669.275	45.674.187.512
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(23.310.734.820)	(9.372.618.567)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		77.090.909	600.790.908
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(129.620.000.000)	
Tiền chi góp vốn vào công ty con	25		(45.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		206.636.900.345	64.764.036.447
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8.783.256.434	55.992.208.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2019	2018
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	51.719.820.061
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(51.719.820.061)
Tiền chi trả cổ tức	36		(57.491.240.000)	(85.903.462.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(57.491.240.000)	(85.903.462.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		42.760.685.709	15.762.934.300
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		15.997.888.555	234.954.255
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	58.758.574.264	15.997.888.555

Ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát và xuất khẩu; và kinh doanh văn phòng và kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 12.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 112 nhân viên (1/1/2019: 117 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 8 – 25 năm

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	41.732.400	102.497.800
Tiền gửi ngân hàng	16.841.864	95.390.755
Các khoản tương đương tiền	58.700.000.000	15.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	58.758.574.264	15.997.888.555

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 6,9% một năm (1/1/2019: 5,5% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	8.659.671.680	12.743.161.114
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	3.731.200.000
Các khách hàng khác	47.460.508	40.000.000
	8.707.132.188	16.514.361.114

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	8.659.671.680	12.743.161.114
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	3.731.200.000
	-	3.731.200.000

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu về lợi nhuận và cổ tức được chia	13.532.445.806	114.693.738.404
Phải thu lãi tiền gửi	1.904.210.250	-
Tạm ứng cho nhân viên	-	160.000.000
Phải thu khác	11.600.000	12.582.508
	15.448.256.056	114.866.320.912

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	10.474.315.239	-	9.026.130.311	-
Công cụ và dụng cụ	4.096.702.530	(1.376.982.892)	4.803.769.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.863.160.332	-	10.900.510.470	-
Thành phẩm	6.268.691.367	-	10.147.076.344	-
Hàng tồn kho	151.886.750	-	-	-
	32.854.756.218	(1.376.982.892)	34.877.486.931	-

Số dư của dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2018: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	69.538.229.570	407.917.509.495	8.891.597.735	10.190.547.404	496.537.884.204
Tăng trong năm	-	2.158.147.784	-	83.000.000	2.241.147.784
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	9.778.628.301	-	-	9.778.628.301
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(7.213.540.002)	-	-	-	(7.213.540.002)
Thanh lý	-	(1.071.860.114)	-	(201.525.850)	(1.273.385.964)
Số dư cuối năm	62.324.689.568	418.782.425.466	8.891.597.735	10.072.021.554	500.070.734.323
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	24.544.696.975	172.580.374.080	5.293.749.240	5.476.651.173	207.895.471.468
Khấu hao trong năm	3.863.776.315	31.665.114.028	852.895.218	1.019.300.017	37.401.085.578
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(3.193.032.187)	-	-	-	(3.193.032.187)
Thanh lý	-	(1.071.860.114)	-	(201.525.850)	(1.273.385.964)
Số dư cuối năm	25.215.441.103	203.173.627.994	6.146.644.458	6.294.425.340	240.830.138.895
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	44.993.532.595	235.337.135.415	3.597.848.495	4.713.896.231	288.642.412.736
Số dư cuối năm	37.109.248.465	215.608.797.472	2.744.953.277	3.777.596.214	259.240.595.428

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 50.021 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 46.226 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình và số dư cuối năm	7.213.540.002
Giá trị hao mòn lũy kế	
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	3.193.032.187
Khấu hao trong năm	80.236.866
Số dư cuối năm	3.273.269.053
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	3.940.270.949

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	-	340.404.773
Tăng trong năm	17.700.810.120	4.800.417.798
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.778.628.301)	(5.140.822.571)
Số dư cuối năm	7.922.181.819	-

Số dư của xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu phản ánh bốn tanks lên men đang trong quá trình lắp đặt.

12. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 6,6% đến 7,4% một năm (1/1/2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2019			1/1/2019				
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư vào:										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	90.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	45.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)	2.402.400	20%	7.000.000.000	-	(*)
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1,28%	2.155.186.800	(319.597.560)	(*)	145.060	1,28%	2.155.186.800	(849.646.800)	(*)
			<u>113.135.902.200</u>	<u>(319.597.560)</u>				<u>68.135.902.200</u>	<u>(849.646.800)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của đầu tư vào công ty con trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
Tăng trong năm	45.000.000.000	-
	90.000.000.000	45.000.000.000
Số dư cuối năm	90.000.000.000	45.000.000.000

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	849.646.800	341.936.800
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(530.049.240)	507.710.000
	319.597.560	849.646.800
Số dư cuối năm	319.597.560	849.646.800

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Tiền thuê đất	Bao bì	Công cụ và	Chi phí khác	Tổng
	trả trước	luân chuyển	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	12.560.919.256	1.238.464.658	3.424.462.409	1.475.717.831	18.699.564.154
Tăng trong năm	-	2.473.275.000	1.922.535.956	48.000.005	4.443.810.961
Phân bổ trong năm	(422.675.028)	(1.616.426.014)	(5.085.871.170)	(1.170.664.850)	(8.295.637.062)
	12.138.244.228	2.095.313.644	261.127.195	353.052.986	14.847.738.053
Số dư cuối năm	12.138.244.228	2.095.313.644	261.127.195	353.052.986	14.847.738.053

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.996.436.033	2.294.466.081
Công ty TNHH Chế biến Lương thực Trường Thắng	1.104.048.000	756.776.400
Công ty TNHH Krones Việt Nam	1.043.718.884	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sabeco	203.182.724	2.153.022.724
Các nhà cung cấp khác	4.558.910.440	7.965.558.217
	8.906.296.081	13.169.823.422

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.996.436.033	2.294.466.081
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng	33.970.002	-
Bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	203.182.724	2.153.022.724

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	19.671.618.992	335.392.788.708	(329.009.325.373)	26.055.082.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.722.560.090	14.492.356.743	(13.071.549.861)	6.143.366.972
Thuế giá trị gia tăng	3.686.891.172	70.326.033.105	(71.637.897.788)	2.375.026.489
Thuế thu nhập cá nhân	528.746.969	2.137.425.525	(2.552.562.636)	113.609.858
Thuế xuất nhập khẩu	-	21.436.839	(21.436.839)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>28.609.817.223</u>	<u>422.373.040.920</u>	<u>(416.295.772.497)</u>	<u>34.687.085.646</u>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Cổ tức phải trả	5.485.733.808	33.976.973.808
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	334.050.000	517.118.200
Phải trả khác	2.875.463.022	266.592.084
	<u>8.695.246.830</u>	<u>34.760.684.092</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.505.096.895	19.850.737.164
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	4.125.226.693	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	7.466.626.093	14.277.315.611
Sử dụng trong năm	(13.883.799.433)	(16.995.003.783)
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi cho công ty con	(492.659.382)	(1.627.952.097)
Chuyển sang quỹ công tác xã hội	(2.723.642.279)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	9.996.848.587	15.505.096.895

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.825.835.003	1.972.314.000
(Hoàn nhập)/trích lập trong năm	(3.220.070)	3.482.800.640
Sử dụng trong năm	(92.498.869)	(1.629.279.637)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.730.116.064	3.825.835.003

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	145.000.000.000	177.711.446.954	152.512.034.176	475.223.481.130
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	118.091.395.139	118.091.395.139
Chuyển trích quỹ đầu tư phát triển của công ty con	-	-	(7.238.823.291)	(7.238.823.291)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(116.000.000.000)	(116.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(14.277.315.611)	(14.277.315.611)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	145.000.000.000	177.711.446.954	133.087.290.413	455.798.737.367
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	156.059.970.675	156.059.970.675
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(4.125.226.693)	(4.125.226.693)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(7.466.626.093)	(7.466.626.093)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(431.002.849)	(431.002.849)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	145.000.000.000	177.711.446.954	248.124.405.453	570.835.852.407

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 4 tháng 9 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 29.000 triệu VND (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: 116.000 triệu VND tương đương 8.000 VND/cổ phiếu, trong đó 58.000 triệu VND là cổ tức tạm ứng cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	701.777.371	702.230.520
Từ hai đến năm năm	2.807.109.483	2.808.922.081
Sau năm năm	4.138.427.597	4.843.330.370
	<hr/>	<hr/>
	7.647.314.451	8.354.482.971
	<hr/>	<hr/>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019
	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.778.493.943
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	4.915.909.091
	<hr/>
	10.694.403.034
	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	363.228.229.152	338.313.741.237
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	698.620.940.340	657.021.122.500
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(335.392.711.188)	(318.707.381.263)
▪ Cung cấp dịch vụ	988.140.365	982.272.730
▪ Doanh thu khác	5.589.234.032	7.732.919.710
	<hr/>	<hr/>
	369.805.603.549	347.028.933.677
	<hr/>	<hr/>

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	290.052.882.665	267.564.651.636
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	691.445.547	808.174.068
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.376.982.892	-
▪ Giá vốn khác	432.228.035	4.133.445.311
	<hr/>	<hr/>
	292.553.539.139	272.506.271.015
	<hr/>	<hr/>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2019 VND	2018 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.914.432.111	75.046.378.457
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.468.161.495	228.124.047
	<hr/>	<hr/>
	108.382.593.606	75.274.502.504
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	44.038.307
(Hoàn nhập)/dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(530.049.240)	507.710.000
	(530.049.240)	551.748.307

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.431.638.980	9.817.184.778
Chi phí khấu hao	614.355.453	399.030.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.144.957.514	1.681.203.044
Chi phí quản lý khác	5.598.380.506	7.645.129.235
	15.789.332.453	19.542.547.818

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	184.593.350.769	173.255.878.744
Chi phí nhân công và nhân viên	29.977.062.634	32.117.810.599
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.481.322.444	37.450.457.999
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.389.640.929	22.063.228.339
Chi phí khác	35.004.697.263	27.565.320.688

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
Năm hiện hành	14.485.366.972	11.722.560.090
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
	14.492.356.743	11.722.560.090

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	170.552.327.418	129.813.955.229
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	34.110.465.484	25.962.791.046
Chi phí không được khấu trừ thuế	298.672.496	512.106.267
Thu nhập không bị tính thuế	(20.782.886.422)	(15.009.275.691)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	859.115.414	256.938.468
Dự phòng thiếu trong những năm trước	6.989.771	-
	14.492.356.743	11.722.560.090

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	697.635.872.340	655.258.565.942
Mua nguyên vật liệu	136.220.478.982	122.113.276.723
Cổ tức	14.790.000.000	59.160.000.000
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Sóc Trăng		
Bán thành phẩm	17.188.959	-
Mua hàng hóa	30.881.820	11.296.000
Cổ tức	97.851.483.011	61.712.866.057
Chuyển quỹ khen thưởng, phúc lợi	492.659.382	1.627.952.097
Mượn nguyên vật liệu	215.895.623	276.405.052
Cho mượn nguyên vật liệu	11.495.198	-
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu		
Bán hàng hóa	1.550.000	-
Cổ tức	3.603.600.000	7.207.200.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô		
Cổ tức	2.459.349.100	6.053.782.400
Mua nguyên vật liệu	27.361.819	26.840.455
Mượn vật tư	15.436.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Bán hàng hóa	143.779.800	3.482.657.365
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.134.179.448	5.442.832.308
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco		
Mua hàng hóa	1.113.934.000	3.783.631.345
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	459.293.610	741.455.130

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2019	2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long		
Bán hàng hóa	-	99.679.500
Cho mượn nguyên vật liệu	-	3.582.508
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Mua hàng hóa	3.927.400	19.273.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang		
Bán hàng hóa	50.904.000	-
Mua hàng hóa	-	17.262.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Trung		
Bán hàng hóa	23,645,806	-
Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Miền Đông		
Mua hàng hóa	17.550.000	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các quyền lợi gộp khác	6.359.053.787	5.040.946.637

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 18 tháng 2 năm 2020

Người lập: 
Trương Thị Mỹ Hồng
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Lê Đăng Khoa
Giám đốc



